

Số: /STP-PB&THPL

Bến Tre, ngày tháng năm 2025

V/v thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong Quý IV năm 2024

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Báo Đồng khởi;
- Văn phòng Đại diện Báo nhân dân tại Bến Tre;
- Thông Tấn xã Việt Nam tại Bến Tre;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Bến Tre;
- Hội Luật gia tỉnh;
- Đoàn Luật sư tỉnh.

Thực hiện Kế hoạch số 6040/KH-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân” trên địa bàn tỉnh, Sở Tư pháp thực hiện Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân (HĐND), UBND tỉnh ban hành trong Quý IV\* năm 2024 như sau:

## I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO HĐND TỈNH BAN HÀNH

**1. Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2024 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bến Tre.**

### a) Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 15 (kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 08 tháng 11 năm 2024.

### b) Nội dung chủ yếu

Nghị quyết này quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại điểm b khoản 2, Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số

\* 14 Nghị quyết, 26 Quyết định do HĐND, UBND tỉnh ban hành

24/2020/NQ-HĐND. Trong đó, sửa đổi, bổ sung đối với quy định về vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất và vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết.

**2. Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2024 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021 - 2025**

**a) Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 15 (kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 08 tháng 11 năm 2024.

**b) Nội dung chủ yếu**

Nghị quyết này quy định về việc điều chỉnh, bổ sung các nguồn vốn ngân sách địa phương và điều chỉnh, bổ sung vốn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia do địa phương quản lý. Đồng thời, ban hành kèm theo Nghị quyết này là danh mục điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn được quy định chi tiết tại Biểu tổng hợp và các phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

**3. Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2024 của HĐND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2024.**

**a) Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 15 (kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 08 tháng 11 năm 2024.

**b) Nội dung chủ yếu**

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh về phân bổ chi tiết danh mục và Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2024. Nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2024 và danh mục các dự án đề xuất kéo dài thời gian bố trí kế hoạch vốn tại Phụ lục được ban hành kèm theo Nghị quyết này.

**4. Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2024 của HĐND tỉnh quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre.**

**a) Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 15 (kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 08 tháng 11 năm 2024.

### **b) Nội dung chủ yếu**

Nghị quyết này gồm 04 điều, quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án phải đáp ứng tiêu chí quy mô về diện tích dự án. Các điều kiện khu đất thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp thu hồi theo quy định Luật Đất đai, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, có quy hoạch chi tiết hoặc quy hoạch phân khu, phù hợp với chương trình phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở, các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các yêu cầu về không gian quy hoạch, kiến trúc, kết nối đồng bộ về hạ tầng, môi trường, yêu cầu về chỉ tiêu đất ở, nhà ở xã hội và tái định cư, chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của dự án.

### **5. Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bến Tre năm 2025**

#### **a) Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2024.

### **b) Nội dung chủ yếu**

Nghị quyết này gồm 03 điều, quy định các mục tiêu tổng quát phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bến Tre năm 2025 và các chỉ tiêu chủ yếu như: tốc độ tăng trưởng kinh tế, cơ cấu kinh tế, kim ngạch xuất khẩu, tổng vốn đầu tư toàn xã hội, GRDP bình quân đầu người, thu ngân sách nhà nước, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều, tỷ lệ lao động qua đào tạo, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế...

Đồng thời, quy định một số nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội như phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội, quốc phòng – an ninh, công tác cải cách hành chính, chế độ công vụ, công chức, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, tích cực phối hợp triển khai các hoạt động hợp tác, liên kết vùng, liên kết tiểu vùng.

### **6. Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh về việc quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

#### **a) Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2024.

### **b) Nội dung chủ yếu**

Nghị quyết này gồm 05 điều, trong đó quy định về đối tượng và mức chi do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện và các văn bản khác có liên quan.

**7. Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh về phân bổ chi tiết danh mục và kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2025**

**a) Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2024.

**b) Nội dung chủ yếu**

Nghị quyết này gồm 02 điều, quy định phân bổ chi tiết và kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2025 với tổng số vốn là 6.970.643 triệu đồng (Sáu nghìn, chín trăm bảy mươi tỷ, sáu trăm bốn mươi ba triệu đồng) và ban hành kèm theo Nghị quyết này là các biểu mẫu phân bổ chi tiết danh mục và kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2025.

**8. Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh về phân định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường từ kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**a) Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2024.

**b) Nội dung chủ yếu**

Nghị quyết này gồm 05 điều, quy định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường của ngân sách cấp tỉnh như: quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải; xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường; xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường, trang thiết bị bảo vệ môi trường, quan trắc môi trường; kiểm tra, thanh tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, ứng phó biến đổi khí hậu; truyền thông, phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường; hoạt động hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường; các hoạt động quản lý nhà nước khác về bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh .

Bên cạnh đó, Nghị quyết quy định các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách cấp huyện như: quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải; xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường; xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi

trường, trang thiết bị bảo vệ môi trường; kiểm tra, thanh tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, ứng phó biến đổi khí hậu và các hoạt động quản lý nhà nước khác về bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp huyện.

**9. Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**a) Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2024.

**b) Nội dung chủ yếu**

Nghị quyết này quy định về nội dung chi và mức chi cho hoạt động lựa chọn sách giáo khoa theo quy định tại Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông. Bên cạnh đó, quy định cụ thể về nội dung chi và mức chi đối với việc hỗ trợ nghiên cứu, nhận xét, đánh giá sách giáo khoa; chi họp Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa.

**10. Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre.**

**a) Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

**b) Nội dung chủ yếu**

Nghị quyết này quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; giá dịch vụ ngày giường bệnh; giá dịch vụ kỹ thuật và xét nghiệm áp dụng cho các hạng bệnh viện; giá dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng phương pháp vô cảm gây tê chưa bao gồm chi phí thuốc và oxy theo các phụ lục được ban hành kèm theo Nghị quyết này. Ngoài ra, quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với phòng khám đa khoa khu vực; trạm y tế xã, phường, thị trấn, trạm y tế cơ quan, đơn vị, tổ chức, trường học, trạm y tế kết hợp quân dân y.

**11. Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh quy định mức khen thưởng danh hiệu Công dân Đồng Khởi**

**tiêu biểu, Công dân Đồng Khởi danh dự và Giải thưởng Nguyễn Đình Chiểu**

**a) Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2024.

**b) Nội dung chủ yếu**

Nghị quyết này quy định mức khen thưởng danh hiệu Công dân Đồng Khởi tiêu biểu, Công dân Đồng Khởi danh dự là 40.000.000 đồng/cá nhân, gồm: tiền thưởng là 20.000.000 đồng và hiện vật (biểu trưng) là 20.000.000 đồng.

Bên cạnh đó, mức khen thưởng giải thưởng Nguyễn Đình Chiểu là 40.000.000 đồng/cá nhân/ tác giả/nhóm tác giả.

**12. Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**a) Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2024.

**b) Nội dung chủ yếu**

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, gồm: các mức chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ; chi thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu; chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh khối lượng công việc, chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước; chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu; chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu; chi họp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Bên cạnh đó, Nghị quyết này quy định về nội dung và mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, gồm: Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ; chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập; chi công tác kiểm tra, đánh giá; chi hội nghị, hội thảo khoa học và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**13. Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh về việc bãi bỏ Nghị quyết số 14/2011/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2011 của HĐND tỉnh về việc thông qua Đề án tổng thể xây dựng**

## **nông thôn mới tỉnh Bến Tre giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020**

### **a) Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2024.

### **b) Nội dung chủ yếu**

Nghị quyết này bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 14/2011/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2011 của HĐND tỉnh về việc thông qua Đề án tổng thể xây dựng nông thôn mới tỉnh Bến Tre giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020

## **14. Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh về chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 16, HĐND tỉnh Bến Tre, khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026**

### **a) Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2024.

### **b) Nội dung chủ yếu**

Nội dung Nghị quyết này HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt các công việc: về đầu tư xây dựng dự án khu đô thị mới trên địa bàn tỉnh; về phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh; công tác quản lý nhà nước về chất lượng nước sinh hoạt; tiến độ thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch, bảo quản, tu bổ di tích quốc gia đặc biệt.

## **II. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO UBND TỈNH BAN HÀNH**

**1. Quyết định số 35/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

### **a) Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu kể từ ngày 18 tháng 10 năm 2024.

### **b) Nội dung chủ yếu**

Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

**2. Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh về ban hành quy chế phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**a) Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 10 năm 2024

**b) Nội dung chủ yếu**

Quyết định này gồm 02 điều và ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre (quy chế).

Nội dung quy chế quy định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong công tác phối hợp quản lý khu công nghiệp về công tác xúc tiến và quản lý đầu tư; quản lý về khoa học và công nghệ; quản lý sử dụng đất đai, bất động sản, quản lý quy hoạch; quản lý xây dựng; quản lý bảo vệ môi trường; quản lý doanh nghiệp và lao động; hoạt động thanh, kiểm tra; quản lý an ninh trật tự – phòng cháy, chữa cháy; thi đua – khen thưởng; tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính.

**3. Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, nghề muối để thực hiện các mô hình, dự án trên địa bàn tỉnh Bến Tre.**

**a) Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 10 năm 2024

**b) Nội dung chủ yếu**

Quyết định này quy định các định mức kinh tế kỹ thuật trên lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nghề muối để thực hiện các mô hình, dự án trên địa bàn tỉnh Bến Tre được quy định tại các Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**4. Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**a) Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2024

**b) Nội dung chủ yếu**

Quyết định này gồm 02 điều và ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Nội dung Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bến Tre quy định về đối tượng, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, mẫu bằng chứng nhận “gia đình văn hóa” đối với các danh hiệu: danh hiệu “Lao động tiên tiến”; danh hiệu “Cờ thi đua của tỉnh”; danh hiệu “Tập thể lao động



xuất sắc”; danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”; danh hiệu xã, phường, thị trấn tiêu biểu; danh hiệu “Áp, khu phố văn hóa”; danh hiệu “Gia đình văn hóa”.

Bên cạnh đó, Quyết định này còn quy định về hình thức khen thưởng đối với bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, giấy khen. Quy định về mẫu bằng chứng nhận “Gia đình văn hóa” và quy định về việc đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

**5. Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá nhà, vật kiến trúc xây dựng mới trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**a) Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 10 năm 2024

**b) Nội dung chủ yếu**

Quyết định này bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá nhà, vật kiến trúc xây dựng mới trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

**6. Quyết định số 41/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh quy định hạn mức giao đất cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**a) Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2024

**b) Nội dung chủ yếu**

Quyết định này quy định về hạn mức giao đất tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc. Đối với các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc mới thành lập để xây dựng cơ sở tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc thì hạn mức giao đất là không quá 5.000m<sup>2</sup>. Trường hợp tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh nếu có nhu cầu sử dụng đất lớn hơn 5.000m<sup>2</sup> thì UBND tỉnh căn cứ vào quy mô, phạm vi của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và nhu cầu thực tế về hoạt động tôn giáo và quỹ đất của địa phương xem xét quyết định cụ thể cho từng trường hợp.

**7. Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**a) Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2024

**b) Nội dung chủ yếu**

Quyết định này gồm 02 điều và ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Trong đó, quy định về nguyên tắc xác định đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác, các trường hợp không được bồi thường về cây trồng, vật nuôi gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất. Bên cạnh đó, quy định các phương pháp xác định để tính đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác theo các phụ lục được ban hành kèm theo Quyết định này.

**8. Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**a) Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2024

**b) Nội dung chủ yếu**

Quyết định này gồm 02 điều và ban hành kèm theo Quyết định này là Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre gồm quy định về đơn giá nhà, nhà ở, công trình xây dựng và hướng dẫn cách xác định đơn giá.

**9. Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**a) Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024

**b) Nội dung chủ yếu**

Quyết định này gồm 03 điều. Trong đó, quy định hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để sử dụng vào loại đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản, làm muối, đất trồng cây lâu năm, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng trồng. Bên cạnh đó, quy định diện tích đất được giao cho các cá nhân khi được giao nhiều loại đất như trên.

**10. Quyết định số 45/2024/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh về việc quy định điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất, diện tích tối thiểu được tách thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**a) Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2024

**b) Nội dung chủ yếu**

Quyết định này gồm 08 điều, trong đó quy định các điều kiện tách, hợp thửa đất ngoài các quy định tại điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 220 Luật Đất đai năm 2024. Đồng thời, quy định diện tích tối thiểu được phép tách thửa đất đối với đất ở tại các xã, phường, thị trấn; Diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với đất nông nghiệp tại các xã, phường, thị trấn; Diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với đất phi nông nghiệp (không phải đất ở). Bên cạnh đó, quy định cụ thể trách nhiệm của UBND cấp huyện và các sở, ngành.

**11. Quyết định số 46/2024/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh về việc quy định Giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**a) Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2024

**b) Nội dung chủ yếu**

Quyết định này quy định Giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định trên địa bàn tỉnh Bến Tre gồm: Trích sao Biên bản của Hội đồng xét duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xác định Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Trích sao Danh sách các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Hội đồng xét duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp xã lập; Trích sao Sổ đăng ký ruộng đất của phần trang ghi đã đăng ký quyền sử dụng ruộng đất.

**12. Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**a) Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 11 năm 2024

**b) Nội dung chủ yếu**

Quyết định này quy định giá dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công thủy lợi năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bến Tre đối với đất trồng lúa; cấp nước tưới cho đất trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày; cấp nước cho sản xuất muối; cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu; cấp nước để nuôi trồng thủy sản. Đồng thời, giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được quy định tại Quyết định này là không có thuế giá trị gia tăng.

**13. Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh quy định hạn mức giao đất nông nghiệp để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do tự khai hoang, không có tranh chấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**a) Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2024

**b) Nội dung chủ yếu**

Quyết định này quy định hạn mức giao đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối không quá 03ha cho mỗi loại đất. Đối với các loại đất: đất trồng cây lâu năm, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng trồng, đất nông nghiệp khác không quá 05ha cho mỗi loại đất.

Đồng thời, trường hợp cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang, không có tranh chấp mà vượt hạn mức theo quy định trên thì diện tích vượt hạn mức phải chuyển sang thuê đất của Nhà nước.

**14. Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh quy định diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre.**

**a) Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2024

**b) Nội dung chủ yếu**

Quyết định này quy định diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp từ 500 m<sup>2</sup> đến dưới 1.000 m<sup>2</sup> được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 25 m<sup>2</sup>, từ 1.000 m<sup>2</sup> đến dưới 5.000 m<sup>2</sup> được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 50 m<sup>2</sup>, từ 5.000 m<sup>2</sup> đến dưới 10.000 m<sup>2</sup> được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 75 m<sup>2</sup>, từ 10.000 m<sup>2</sup> trở lên được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 100 m<sup>2</sup>. Đồng thời, công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp được xây dựng tại nhiều vị trí trong khu đất, nhưng tổng diện tích không vượt quá quy định trên.

**15. Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh quy định về số lượng, chủng loại, phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung và tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bến Tre.**

**a) Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2024

**b) Nội dung chủ yếu**

Quyết định này quy định về số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cấp huyện thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bến Tre và quy định về phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung. Đồng thời, quy định về tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng như chủng loại xe ô tô chuyên dùng, số lượng xe ô tô chuyên dùng và mức giá tối đa trang bị cho một xe đối với các xe ô tô chuyên dùng trang bị

cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

**16. Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư**

**a) Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2024

**b) Nội dung chủ yếu**

Quyết định này gồm 02 điều và ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định về quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư (gọi tắt là Quy định).

Nội dung Quy định về quy trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, trong đó quy định trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định; trách nhiệm của cơ quan chủ trì thẩm định sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định; các trường hợp cơ quan chủ trì thẩm định từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định; quy định về đóng dấu, lưu trữ hồ sơ thẩm định. Đồng thời, quy định về quy trình điều chỉnh dự án.

**17. Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Bến Tre**

**a) Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2024

**b) Nội dung chủ yếu**

Quyết định này sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre; bổ sung Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo; sửa đổi, bổ sung Quyết định số 26/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh; sửa đổi, bổ sung Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính; bổ sung Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh

về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh.

**18. Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định cơ quan thẩm định cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm và phân công, phân cấp cơ quan quản lý các cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**a) Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 12 năm 2024

**b) Nội dung chủ yếu**

Quyết định này sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2019 và ban hành kèm theo Quyết định là việc sửa đổi bổ sung Phụ lục 1, quy định về tên, nhóm sản phẩm; cơ quan thẩm định đối với cơ sở sản xuất ban đầu không phải nhỏ lẻ, cơ sở thu gom, sơ chế/giết mổ, cơ sở chế biến, cơ sở kinh doanh/vận chuyển đối với sản phẩm trồng trọt, sản phẩm động vật trên cạn, thủy sản, muối, dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý, nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc lĩnh vực phân công quản lý và nông sản thực phẩm khác.

**19. Quyết định số 54/2024/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh quy định mức hỗ trợ bố trí, ổn định dân cư tại các vùng sạt lở bờ sông, sạt lở bờ biển, sạt lở kênh rạch, sụt lún đất, lốc xoáy, xâm nhập mặn nước biển dâng, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**a) Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 12 năm 2024

**b) Nội dung chủ yếu**

Quyết định này bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre quy định mức hỗ trợ bố trí, ổn định dân cư tại các vùng sạt lở bờ sông, sạt lở bờ biển, sạt lở kênh rạch, sụt lún đất, lốc xoáy, xâm nhập mặn nước biển dâng, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

**20. Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh về việc Ban hành Danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục,**

**thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bến Tre**

**a) Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2025

**b) Nội dung chủ yếu**

Quyết định này quy định danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bến Tre.

Trong đó, danh mục tài sản cố định đặc thù gồm cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng, di tích và thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình được quy định gồm giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, văn bằng bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp, bằng bảo hộ giống cây trồng, phần mềm ứng dụng.

**21. Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh về việc quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**a) Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 01 năm 2025

**b) Nội dung chủ yếu**

Quyết định này gồm 10 điều, trong đó quy định về quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh như bình ổn giá, định giá, kê khai giá, tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; quy định về việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá và ban hành kèm theo Quyết định này là Phụ lục phân công cơ quan chủ trì thực hiện thẩm định phương án giá; Phụ lục phân công cơ quan tiếp nhận kê khai giá và tham mưu quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ; Phụ lục phân công cơ quan tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ; Phụ lục phân công cơ quan chịu trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu vào cơ sở dữ liệu về giá của địa phương.

**22. Quyết định số 57/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**a) Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 01 năm 2025

**b) Nội dung chủ yếu**

Quyết định này gồm 05 điều, quy định bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà theo phụ lục được ban hành kèm theo Quyết định này và cách tính tỷ lệ chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ. Trong đó, phụ lục bảng giá tính

lệ phí trước bạ đối với nhà quy định bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà và hướng dẫn cách xác định giá.

**23. Quyết định số 58/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh về việc quy định giá lúa thu thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 2025 và nợ thuế sử dụng đất nông nghiệp những năm trước trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**a) Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 11 tháng 01 năm 2025

**b) Nội dung chủ yếu**

Quyết định này quy định giá lúa thu thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 2025 và nợ thuế sử dụng đất nông nghiệp những năm trước trên địa bàn tỉnh Bến Tre là 5.600 đồng/kg (Năm ngàn sáu trăm đồng trên một kilôgam)

**24. Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh về việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**a) Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 11 tháng 01 năm 2025

**b) Nội dung chủ yếu**

Quyết định này gồm 06 điều, quy định tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất khác không phải là nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp. Ngoài ra, đối với đất thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo danh mục do Chính phủ quy định, danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư theo danh mục do Chính phủ quy định.

Bên cạnh đó, Quyết định này còn quy định đơn giá thuê đất đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) và đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước.

**25. Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh về việc quy định các yếu tố ước tính doanh thu phát triển, chi phí phát triển của thửa đất, khu đất cần định giá theo phương pháp thặng dư; các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất, mức độ chênh lệch tối đa của từng yếu tố ảnh hưởng đến giá đất trong việc xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**a) Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 01 năm 2025

**b) Nội dung chủ yếu**



Quyết định này gồm 08 điều, trong đó quy định các yếu tố ước tính doanh thu phát triển của thửa đất, khu đất thực hiện dự án như tỷ lệ lấp đầy; tỷ lệ bán hàng, thời gian bán hàng, thời điểm bắt đầu bán hàng. Quy định các yếu tố ảnh hưởng chi phí phát triển của thửa đất, khu đất thực hiện dự án như tỷ lệ phần trăm để xác định chi phí kinh doanh; tỷ lệ phần trăm để xác định chi phí lãi vay, lợi nhuận của nhà đầu tư có tính đến vốn chủ sở hữu, rủi ro trong kinh doanh; thời gian xây dựng, tiến độ xây dựng.

Bên cạnh đó, Quyết định này còn quy định về các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất, việc điều chỉnh các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất đối với đất phi nông nghiệp gồm vị trí, địa điểm của thửa đất, khu đất; điều kiện về giao thông; điều kiện về cấp thoát nước, cấp điện; diện tích, kích thước, hình thể của thửa đất, khu đất; các yếu tố liên quan đến quy hoạch xây dựng; hiện trạng môi trường, an ninh; thời hạn sử dụng đất... Và quy định về các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất, việc điều chỉnh các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất đối với đất nông nghiệp như năng suất cây trồng, vật nuôi; vị trí, đặc điểm thửa đất, khu đất; điều kiện giao thông phục vụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; thời hạn sử dụng đất...

## **26. Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2025**

### **a) Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 01 năm 2025

### **b) Nội dung chủ yếu**

Quyết định này quy giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2025 đối với tài nguyên khoáng sản không kim loại gồm: đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình; cát san lấp (bao gồm cả cát nhiễm mặn); đất làm gạch, ngói và nước thiên nhiên gồm: nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp; nước thiên nhiên dùng cho sản xuất kinh doanh nước sạch; nước thiên nhiên dùng cho mục đích khác. Đồng thời, Quyết định này quy định một số trường hợp giá tính thuế tài nguyên là giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và chi phí vận chuyển.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh ban hành trong Quý IV năm 2024, Sở Tư pháp xin thông báo./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, PB&THPL.

**GIÁM ĐỐC**

**Võ Minh Thuởng**